|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BKHCNDự thảo |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2018/TT-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”**

 *Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025".*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Thông tư này quy định về việc tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (sau đây viết tắt là Đề án 844) được phê duyệt tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 844/QĐ-TTg), được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 188/QĐ-TTg).”

2. Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 2 như sau:

“8. *Đơn vị quản lý chuyên môn của Đề án* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý chuyên môn) là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý việc tổ chức triển khai Đề án, nhiệm vụ của Đề án theo đúng mục tiêu, nội dung, sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và công nghệ và chỉ tiêu đánh giá đã được phê duyệt.

9. *Đơn vị quản lý kinh phí của Đề án* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và thực hiện hoạt động phục vụ quản lý nhà nước để thực hiện các mục tiêu, nội dung, sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và công nghệ và chỉ tiêu đánh giá đã được phê duyệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Nhiệm vụ hằng năm, định kỳ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia (viết tắt là nhiệm vụ hằng năm, định kỳ) triển khai các hoạt động quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Mục III Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 188/QĐ-TTg.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia**

Việc phân công và tổ chức quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Đề án được thực hiện theo quy định pháp luật về: trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Các hoạt động của Đề án 844 quy định tại khoản 1 đến khoản 9 Mục III Điều 1, điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định số 844/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, 3 và 5 Điều 1 Quyết định số 188/QĐ-TTg;”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 8 như sau:

“5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ, đơn vị quản lý chuyên môn trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ, đơn vị quản lý chuyên môn phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Thành phần, phương thức làm việc, trình tự làm việc, điều kiện, tiêu chí đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án 844 thực hiện theo Mẫu C2.9-QT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Căn cứ kết quả của Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), trong thời hạn 05 ngày làm việc, đơn vị quản lý chuyên môn trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ.”.

7. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“**Điều 11. Quy trình quản lý đối với nhiệm vụ hằng năm, định kỳ theo hình thức giao trực tiếp**

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ hằng năm, định kỳ theo hình thức giao trực tiếp, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng thuyết minh nhiệm vụ gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua đơn vị quản lý chuyên môn). Thuyết minh nhiệm vụ thực hiện theo Mẫu C2.1c-TMGTT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký, đơn vị quản lý chuyên môn kiểm tra hồ sơ về việc đáp ứng quy định tại yêu cầu tại danh mục nhiệm vụ đã công bố.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, đơn vị quản lý chuyên môn trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Thành phần, phương thức làm việc, trình tự làm việc, điều kiện, tiêu chí đánh giá của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án 844 thực hiện theo Mẫu C2.9-QT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện, đơn vị quản lý chuyên môn trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho đơn vị quản lý kinh phí ký hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (mẫu hợp đồng theo Mẫu C2.8-HĐNV tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

 6. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quản lý và sử dụng kinh phí được giao theo quy định pháp luật hiện hành. Đơn vị quản lý kinh phí chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan định kỳ tổ chức kiểm tra bảo đảm tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm được thực hiện theo Mẫu C3.1-BCKQ tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này; Biên bản kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Mẫu C3.2-BBKT tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này.

7. Khi kết thúc hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua đơn vị quản lý chuyên môn. Đơn vị quản lý chuyên môn trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ; được Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng theo quy định. Thành phần, phương thức làm việc, trình tự làm việc, điều kiện, tiêu chí đánh giá của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và quy trình công nhận kết quả thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.”.

8. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“**Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

a) Thực hiện vai trò là đơn vị quản lý chuyên môn đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án 844;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Đề án 844 do Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng để tổng hợp vào kế hoạch hằng năm; xây dựng thuyết minh, dự toán kinh phí hoạt động chung, kinh phí hoạt động của Ban Điều hành Đề án 844, gửi cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao quản lý các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai hằng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động Đề án 844 và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Điều hành Đề án 844.

2. Cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao quản lý các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm:

a) Thực hiện vai trò là đơn vị quản lý kinh phí đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án 844;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự toán, đề xuất điều chỉnh nội dung, kinh phí hoạt động quản lý Đề án 844.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí, bố trí kinh phí thực hiện Đề án 844.”.

7. Thay thế, bổ sung một số từ, cụm từ tại các điểm, khoản, điều, phụ lục sau đây:

a) Thay cụm từ “đơn vị quản lý nhiệm vụ” bằng “đơn vị quản lý chuyên môn” tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 7; khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 17; tại các mẫu C3.2-BBKT, C3.3-ĐNNT tại Phụ lục III ban hành kèm theo [Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-113-2008-tt-btc-bo-tai-chinh-39139-d1.html) ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

b) Thay thế cụm từ “Hội đồng đánh giá thuyết minh” bằng cụm từ “Hội đồng tư vấn tuyển chọn” tại các mẫu C2.2a-ĐGĐL, C2.2d-ĐGSK, C2.2đ-ĐGCN, C2.3-BBĐG, C2.4-GTTM tại Phụ lục II ban hành kèm theo [Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-113-2008-tt-btc-bo-tai-chinh-39139-d1.html) ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

8. Thay thế mẫu C2.9-QT và bổ dung mẫu C2.1b-TMGTT tại Phụ lục II ban hành kèm theo [Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-113-2008-tt-btc-bo-tai-chinh-39139-d1.html) ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Đối với các nhiệm vụ đã có quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện việc quản lý theo quy định tại [Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-113-2008-tt-btc-bo-tai-chinh-39139-d1.html) ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Công báo, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc, VP844;- Lưu: VT, PC, PTTTDN. | **KT.BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG****Hoàng Minh** |

**Phụ lục**

**CÁC BIỂU MẪU, QUY TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BKHCN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. **Mẫu C2.1b-TMGTT**:Thuyết minh nhiệm vụ hằng năm, định kỳ thuộc Đề án 844 theo hình hình thức giao trực tiếp.
2. **Mẫu C2.9-QT**: Thành phần, phương thức, trình tự làm việc, điều kiện, tiêu chí đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn/ giao trực tiếp, Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ hằng năm, định kỳ thuộc Đề án 844.

**Mẫu C2.1c-TMGTT**

…/2024/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HẰNG NĂM, ĐỊNH KỲ THUỘC ĐỀ ÁN 844
THEO HÌNH THỨC GIAO TRỰC TIẾP BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM**......

|  |
| --- |
| **1.Tên nhiệm vụ đề xuất** |
| **Thuộc loại nhiệm vụ:***(chính xác theo nội dung công bố)* |
| **Phương thức thực hiện**  [ ]   Độc lập [ ]    Liên danh |
| **Thời gian đăng ký thực hiện nhiệm vụ:**  |
| **2. Thông tin về tổ chức thực hiện nhiệm vụ** |
| ***2.1. Tổ chức chủ trì (đồng thời là tổ chức đứng đầu liên danh, nếu có)*** |
| 2.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp/mã số thuế |
| 2.1.2. Lãnh đạo của tổ chức*(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại)* |
| 2.1.3. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tổ chức |
| 2.1.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ*(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại)* |
| 2.1.5. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức |
| **3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm** **vụ** *(mục tiêu và nội dung hoạt động chính của nhiệm vụ đăng ký thực hiện)* |
| **4. Nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ** |
| ***4.1. Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của tổ chức, mạng lưới chuyên gia tham gia thực hiện nội dung chính của nhiệm vụ*** |
| 4.1.1. Đội ngũ nhân sự

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Nội dung công việc**  | **Thời gian làm việc**  | **Đơn vị** **(chủ trì/liên danh)** **(nếu có)**  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

 |
| 4.1.2. Năng lực, kinh nghiệm của các thành viên chính, thành viên |
| 4.1.3. Đội ngũ chuyên gia

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Kinh nghiệm** | **Năng lực** | **Nội dung công việc** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

 |
| ***4.2. Tóm tắt nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ*** |
| **5. Tổng quan nhu cầu thực tiễn** *(Nhu cầu thị trường, quy mô thị trường, tính cấp thiết phải giải quyết nhu cầu)* |
| **6. Giải pháp** *(Phân tích giải pháp; nêu rõ điểm mới trong cách tiếp cận, biện pháp, cách thức triển khai, điều kiện đảm bảo tính khả thi của giải pháp)* |
| **7. Vai trò, phân công công việc của tổ chức chủ trì tổ chức tham gia liên danh (nếu thực hiện theo phương thức liên danh)***(Nêu rõ những hoạt động chính do tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh thực hiện trong triển khai nhiệm vụ; vai trò điều phối, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và người đứng đầu liên danh; phương án phân công, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm của các tổ chức tham gia liên danh)* |
| **8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh (nếu có)***(Nêu và mô tả chi tiết các nội dung, hoạt động và các số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí.)**Ví dụ:**Nội dung 1: Thực hiện khảo sát thực trạng các nhà đầu tư cá nhân để đánh giá nhu cầu và tiềm năng của các nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam**Hoạt động 1: Xây dựng phương án điều tra khảo sát và lập mẫu phiếu điều tra khảo sát* *Hoạt động 2: Tiến hành điều tra khảo sát**Hoạt động 3: Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra khảo sát…****Chú ý:*** *Các sự kiện, khóa đào tạo cần có đầy đủ thông tin về:**- Mục tiêu**- Nội dung**- Đối tượng**- Quy mô (số ngày, số người)**- Số chuyên gia dự kiến* |
| ***8.1. Nội dung triển khai***  | ***8.2. Hoạt động*** | ***8.3. Mô tả/Giải thích*** |
| Nội dung 1: | Hoạt động 1: |  |
| Hoạt động 2: |  |
| Hoạt động 3: |  |
| ***8.4. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung, hoạt động** | **Kết quả phải đạt/ Sản phẩm thu được của từng hoạt động** | **Thời gian thực hiện** ***(Quý, năm)*** | **Đơn vị thực hiện (đối với liên danh)** |
| ***Nội dung 1:***  |
| Hoạt động 1: |  |  |  |
| Hoạt động 2: |  |  |  |
| Hoạt động 3: |  |  |  |
| ***Nội dung 2:*** |
| Hoạt động 1: |  |  |  |
| Hoạt động 2: |  |  |  |
| ***Nội dung 3:*** |
| Hoạt động 1: |  |  |  |
| Hoạt động 2: |  |  |  |

***8.5. Kết quả/ Sản phẩm nghiệm thu của nhiệm vụ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kết quả/Sản phẩm** | **Số lượng** | **Mô tả** | **Tiêu chí đánh giá chất lượng\*** |
|  |  |  |  |  |
|   |   |   |   |   |

*\* Đáp ứng các kết quả theo yêu cầu của nhiệm vụ trong danh mục, đồng thời bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá chất lượng do tổ chức đăng ký chủ trì tự đề xuất.* *Ví dụ:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kết quả/Sản phẩm** | **Số lượng** | **Mô tả** | **Chỉ tiêu đánh giá chất lượng** |
| 1 | Khóa đào tạo cơ bản về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | 03 | Mỗi khóa kéo dài 3 ngày tại Hà Nội, dành cho 50 sinh viên các trường A, B, C  | - Ít nhất 80% số học viên đánh giá khóa học đạt chất lượng tốt - 20 sinh viên sau đào tạo có đủ điều kiện tham gia chương trình đào tạo nâng cao, có danh sách và xác nhận kèm theo. |

 |
| **9. Tính bền vững của quá trình thực hiện nhiệm vụ** *(Phân tích các yếu tố rủi ro, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương án nhân rộng mô hình, chuyển giao, khai thác sản phẩm/kết quả thực hiện nhiệm vụ)* |
| **10. Hiệu quả mang lại và sự kết nối, hợp tác với các chủ thể khác trong hệ sinh thái** *(Hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ; mối liên kết, hợp tác với chủ thể khác ở trong nước và quốc tế)* |
| **11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác** *(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế mà tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh đã, đang thực hiện.)* |
| **12.Kinh phí thực hiện nhiệm vụ** ***(Có bản dự toán kinh phí chi tiết kèm theo.)****Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** |
| Nguyên vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | Chi khác |
|  | **Tổng kinh phí**Trong đó: |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách sự nghiệp khoa học |  |  |  |  |  |
| - Năm thứ nhất |  |  |  |  |  |
| - Năm thứ hai |  |  |  |  |  |
| 2 | Các nguồn vốn khác |  |  |  |  |  |
| - Năm thứ nhất |  |  |  |  |  |
| - Năm thứ hai |  |  |  |  |  |
| *Ngày tháng năm*  | *Ngày tháng năm*  |
|  **ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KINH PHÍ** *(Xác nhận khi nhiệm vụ được phê duyệt)*  | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ***(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |
| *Ngày tháng năm* | *Ngày tháng năm*  |
|  **ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ** *(Xác nhận khi nhiệm vụ được phê duyệt)*  | **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ***(Họ tên, chữ ký)* |

 |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ KÈM THEO THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | **Nguồn khác** |
| Tống số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai |
| *1* | *2* | *3=(5+11)* | *4* | *5=(7+9)* | *6=(8+10)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11=(12+13)* | *12* | *13* |
| **1** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI KÈM THEO THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844

### **1. Nguyên vật liệu, năng lượng**

### *Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Tổng** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | **Nguồn khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6 = (4\*5) = (7+12)* | *7=(8+10)* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12 = (13+14)* | *13* | *14* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### **2. Thiết bị, máy móc**

### *Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Tổng** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | **Nguồn khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6 = (4\*5) = (7+12)* | *7=(8+10)* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12 = (13+14)* | *13* | *14* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### **3. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

### *Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Tổng** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | **Nguồn khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6 = (4\*5) = (7+12)* | *7=(8+10)* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12 = (13+14)* | *13* | *14* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### **4. Chi khác**

### *Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Tổng** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | **Nguồn khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6 = (4\*5) = (7+12)* | *7=(8+10)* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12 = (13+14)* | *13* | *14* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu C2.9-QT**

…/2024/TT-BKHCN

**THÀNH PHẦN, PHƯƠNG THỨC, TRÌNH TỰ LÀM VIỆC**, **ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN/ GIAO TRỰC TIẾP, TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HẰNG NĂM, ĐỊNH KỲ THUỘC ĐỀ ÁN 844**

**I. Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp nhiệm vụ hằng năm, định kỳ**

**1. Thành phần**

Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ có bảy (07) ủy viên (sau đây gọi là thành viên), bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Ban Điều hành Đề án 844;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng và hai (02) thành viên Hội đồng là chuyên gia về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

c) Ba (03) thành viên Hội đồng là đại diện của các đơn vị của Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm: Đơn vị quản lý kinh phí, đơn vị quản lý chuyên môn, Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Đại biểu tham dự: Đại diện Văn phòng Đề án 844.

**2. Phương thức làm việc**

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 5/7 thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

b) Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do đơn vị quản lý kinh phí cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá thuyết minh nhiệm vụ.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của Hội đồng tham gia nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

**3. Trình tự làm việc**

a) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

b) Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký của hội đồng.

- Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ:

(i) Các ủy viên Hội đồng trình bày nhận xét đánh giá hồ sơ theo các tiêu chí trong phiếu đánh giá thuyết minh.

(ii) Thư ký Hội đồng đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng xem xét, tham khảo;

(iii) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các thành viên Hội đồng hoặc tổ chức chủ trì về ý kiến nhận xét;

(iv) Hội đồng cho điểm theo các tiêu chí, thang điểm;

(v) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm ba (03) người là ủy viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và hai (02) thành viên.

- Các thư ký hành chính của Hội đồng giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng. Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề xuất thực hiện nhiệm vụ phải có hồ sơ với tổng số điểm trung bình đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, bắt buộc phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng đánh giá đạt.

- Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trong trường hợp cần lựa chọn một số tổ chức trong số các tổ chức có số điểm bằng nhau thì Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng đề xuất tổ chức được lựa chọn để thực hiện nhiệm vụ.

- Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị:

(i) Các sản phẩm chính với những yêu cầu phải đạt;

(ii) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

(iii) Xác định chuyên gia được giao để theo dõi, định hướng, giám sát và đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

(iv) Tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

- Thư ký hành chính hoàn thiện biên bản thẩm định.

- Hội đồng thông qua biên bản làm việc.

 ***4. Điều kiện, tiêu chí tuyển chọn/giao trực tiếp nhiệm vụ***

a) Điều kiện đối với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

- Đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 8 Thông tư này đối với nhiệm vụ theo hình thức tuyển chọn hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với nhiệm vụ theo hình thức giao trực tiếp;

- Có khả năng huy động tài chính cho thực hiện nhiệm vụ;

- Có khả năng liên kết với các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ.

Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được ưu tiên hỗ trợ từ Đề án khi có chứng nhận được vào vòng chung kết cuộc thi thuộc Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp địa phương, cấp vùng, cấp quốc gia (Techfest) hoặc vòng chung kết cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tổ chức tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài.

b) Tiêu chí đánh giá thuyết minh nhiệm vụ dành cho tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Tiêu chí bắt buộc quy định tại Mục II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg;

- Năng lực của người thực hiện chính; năng lực của đối tác, cộng tác viên tham gia thực hiện nhiệm vụ; nguồn kinh phí đối ứng, cơ sở vật chất - kỹ thuật đảm bảo thực hiện nhiệm vụ;

- Tính khách quan, toàn diện, cập nhật trong phân tích nhu cầu của đối tượng tác động; tính khả thi, thống nhất và phù hợp với thực tiễn thể hiện trong mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

- Tiêu chí, phương thức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; khối lượng sản phẩm và cách thức báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ; cách thức chuyển giao, công bố, khai thác sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

- Mức độ liên kết, hợp tác, khai thác, sử dụng chuyên gia, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở phạm vi quốc gia, quốc tế; cách thức liên kết, tính khả thi, rõ ràng trong hợp tác, phân công, phối hợp thực hiện đối với nhiệm vụ của liên danh; Mức độ ảnh hưởng lan tỏa của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đối với các chủ thể tham gia xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

c) Tiêu chí đánh giá thuyết minh nhiệm vụ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Khả năng tăng trưởng nhanh, khả năng lặp lại và khả năng nhân rộng của nhiệm vụ;

- Năng lực của thành viên sáng lập, giám đốc điều hành doanh nghiệp và nhóm thực hiện nhiệm vụ;

- Mức độ quan trọng của vấn đề xã hội mà nhiệm vụ giải quyết;

- Tính khả thi của nhiệm vụ.

**II. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ hằng năm, định kỳ**

**1. Thành phần**

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo có bốn (04) thành viên, bao gồm:

a) Tổ trưởng tổ thẩm định kinh phí là đại diện Lãnh đạo đơn vị quản lý nhiệm vụ;

b) Ba (03) thành viên tổ thẩm định kinh phí bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ, đại diện Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính.

**2. Phương thức làm việc**

a) Phiên họp của tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 3/4 thành viên (2/3 thành viên theo hình thức giao trực tiếp) của tổ thẩm định, trong đó phải có Tổ trưởng tổ thẩm định.

b) Thành viên tổ thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá kinh phí nhiệm vụ.

c) Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của tổ thẩm định có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của tổ thẩm định tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên tổ thẩm định có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của tổ thẩm định. Thành viên tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của tổ thẩm định.

**3. Trình tự làm việc**

a) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập tổ thẩm định, giới thiệu thành phần tổ thẩm định và các đại biểu tham dự, đọc những kết luận chính của Hội đồng tuyển chọn tại phiên họp đánh giá hồ sơ;

b) Tổ trưởng tổ thẩm định nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ;

c) Thành viên tổ thẩm định là chủ tịch hoặc phó chủ tịch cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

d) Các thành viên tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định;

đ) Thư ký hành chính giúp tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định;

e) Tổ thẩm định thông qua biên bản làm việc.

***4. Điều kiện, tiêu chí thẩm định kinh phí nhiệm vụ***

a) Sự phù hợp về khối lượng công việc và tổng dự toán kinh phí;

b) Mức độ hợp lý trong phân bổ dự toán kinh phí cho các hoạt động;

c) Mức độ hợp lý về nội dung, định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước;

d) Mức độ hợp lý trong phân bổ dự toán kinh phí trong liên danh (nếu có);

đ) Mức độ đáp ứng về nguồn kinh phí đối ứng, nguồn kinh phí huy động từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.